



ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP MÔ PHỎNG XÉT ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC KHỦNG HOẢNG TIỀN TỆ Ở CHÂU Á ĐẾN KINH TẾ VIỆT NAM

LÊ VĂN CƯỜNG (1)
TRẦN THÀNH TRẠI (2)
NGUYỄN KIM KHÔI (3)



TÓM TẮT

Trong thời gian gần đây giới kinh doanh, sản xuất, những nhà nghiên cứu kinh tế, các cấp lãnh đạo đề cập nhiều về các ảnh hưởng của khủng hoảng tiền tệ Đông Á đến nền kinh tế Việt Nam [2], [3]. Trong các tác động đến kinh tế VN của cuộc khủng hoảng tài chính, một vấn đề quan tâm hàng đầu là tỷ giá giữa nội tệ và ngoại tệ trong thời gian từ nay đến năm 2000.

Trong bài báo [1] chúng tôi đã đưa mô hình kinh tế toán và phương pháp mô phỏng để xét động thái kinh tế VN theo một số kịch bản. Bài báo này như là tiếp tục công trình nghiên cứu trước đây. Mục đích giới thiệu khả năng của phương pháp mô phỏng dựa vào mô hình, mặt khác nhằm góp một ý kiến để những người có trách nhiệm suy nghĩ về các giải pháp kinh tế sắp tới.

Chúng tôi ý thức rõ rệt mô hình toán có những giả thuyết chủ quan do chúng tôi nêu lên, hơn nữa cũng giản lược khá nhiều so với thực tiễn kinh tế phức tạp, đặc biệt đối với nền kinh tế chuyển đổi như ở nước ta, trong bối cảnh có các biến động lớn, mặt khác số liệu thống kê chưa đầy đủ như hiện nay. Với tinh thần mạnh dạn phục vụ kịp thời chúng tôi công bố các kết quả này, mong được các ý kiến trao đổi với các đồng nghiệp.

I. NẾU KHÔNG CÓ KHỦNG HOẢNG

Trước tiên, chúng ta phải nên trở lại những kết quả của mô phỏng qua mô hình nói trên. Trong trường hợp không có khủng hoảng, kịch bản chính (với những giả thuyết đã được trình bày trong bài đã dẫn). Xin nhắc lại những giả thuyết cần thiết cho bài này:

a) Nhịp độ tăng mỗi năm của cầu bên ngoài về hàng Việt Nam xuất khẩu (không kể dầu thô) là 20%.

b) Tỷ lệ đầu tư tư nhân là 17.5% đem lại những kết quả chính sau đây, cho 1998-2000:

- GDP tăng trung bình mỗi năm: 8.6%
- Lam phát trung bình: 6.5%
- Tỷ lệ đầu tư trung bình: 29%
- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá hiện hành:

23%

- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá cố định:

16%

II. ẢNH HƯỞNG CỦA KHỦNG HOẢNG

Trong mô hình của chúng tôi, ảnh hưởng của khủng hoảng sẽ lên qua 3 ngõ:

a) Đồng tiền VN sẽ được nâng cao so với đồng tiền bên ngoài; do đó sẽ có ảnh hưởng trực tiếp (xem các phương trình của mô hình trong bài đã dẫn) trên ngoại thương và giá (giá đầu vào tính bằng tiền VN sẽ thấp hơn).

b) Nhu cầu về hàng VN xuất khẩu -ngoài dầu thô- của các nước khủng hoảng sẽ sụt vì kinh tế họ đi xuống.

c) Tỷ lệ đầu tư nước ngoài có cơ sụt xuống vì các nước có "vấn đề" có thể giảm đầu tư vào VN.

Định lượng thế nào các yếu tố đó?

a) Gọi E_1 là tổng giá trị xuất nhập khẩu của các nước đã phá giá đồng tiền ở châu Á- Malaysia, Philippine, Thái Lan, Đài Loan, Hàn Quốc- và E_2 là tổng giá trị xuất nhập khẩu với các nước ngoài các nước nói trên. Lấy đồng tiền của khối không bị khủng hoảng tiền tệ làm chuẩn. Gọi e_1 là hối suất của các nước đã phá giá đồng tiền, và e là hối suất của VN. Định nghĩa $a = E_1/(E_1+E_2)$. Chúng ta có công thức: $e = e_1 \cdot a + (1-a)$.

Làm giả thuyết là e_1 giảm 50% trong suốt thời kỳ 1998-2000. Dựa theo Niên giám thống kê 1995 của VN, dùng số liệu 1994, ta có: $a = 0.85$. Như vậy đồng tiền VN cao giá hơn đồng tiền "thật" 15%.

Thật vậy, gọi E là lượng hàng giao dịch với bên ngoài:

$$E = E_1 + E_2$$

E_1 lượng hàng giao dịch với khu vực 1, khu vực có vấn đề.

E_2 lượng hàng giao dịch với khu vực 1, khu vực không có vấn đề.

Gọi p^* là giá thế giới tính bằng dollar,

p là giá ở VN tính bằng đồng

p_1 là giá ở khu vực 1, tính bằng tiền của khu vực 1

p_2 là giá ở khu vực 2, tính bằng tiền của khu vực 2

ϵ là hối suất của VN (ước chừng 1 đồng bằng ϵ dollars)

ϵ_1 là hối suất của khu vực 1 (1 đơn vị tiền của khu vực 1 bằng ϵ_1 dollars)

ϵ_2 là hối suất của khu vực 2 (1 đơn vị tiền của khu vực 2 bằng ϵ_2 dollars)

Nếu các khu vực tôn trọng hối suất thì ta có:

$$p^* = p\epsilon = p_1\epsilon_1 = p_2\epsilon_2$$

Để đơn giản, ta làm giả thuyết là khu vực 2 có đơn vị tiền bằng dollar ($\epsilon_2=1$), và $p_2 = p^*$ (khu vực 2 ấn định giá cả thế giới)

Ta có:

$$(1) p\epsilon E = p_1\epsilon_1 E_1 = E_2$$

$$\text{Định nghĩa } u = E_1/E$$

Từ (1) ta có

$$(2) E \Delta(p\epsilon) = E_1 \Delta(p_1\epsilon_1)$$

$$\text{nên nhớ } p\epsilon = p_1\epsilon_1 = p^*$$

do đó ta có, với giả thuyết p và p_1 không biến chuyển

$$p \Delta \epsilon = \frac{p \Delta \epsilon}{p \epsilon} = \frac{E_1 p_1 \Delta \epsilon_1}{E p_1 \epsilon_1 E_1} = p_1 \Delta \epsilon_1 \left(\frac{E_1}{E} \right)$$

$$\Rightarrow \frac{\Delta \epsilon}{\epsilon} = \frac{\Delta \epsilon_1}{\epsilon_1} * \frac{E_1}{E}$$

$$\text{Năm 1994, } \frac{E_1}{E} = 0,3$$

$$\text{Nếu } \frac{\Delta \epsilon_1}{\epsilon_1} = -0.5 \text{ ta có } \frac{\Delta \epsilon}{\epsilon} = -0.15$$

Nghĩa là đồng tiền VN cao giá hơn 15%.

Một cách khác để kiểm kết quả trên, ta dùng công thức (1) và định nghĩa:

$$e = p\epsilon, E_1 = p_1\epsilon_1$$

Ta có

$$(3) eE = e_1E_1 + E_2$$

$$\text{Lúc đầu } e=e_1 = 1$$

Bây giờ nếu ϵ_1 giảm 50%, e_1 cũng giảm 50% và

$$\Delta e = \Delta e_1 * E_1/E = 0.5 * 0.3 = 0.15$$

a) Nhưng những nước ở châu Á có khả năng giảm nhịp độ tăng trưởng không chỉ khùng vào những nước phá giá đồng tiền. Ta có thể thêm vào đó Hồng Kông và Singapore. Gọi D_1 là cầu mua hàng VN của các nước đã phá giá và của Hồng Kông và Singapore; D_2 là cầu mua hàng VN của các nước khác. Chúng tôi làm giả thuyết là cấu trúc giữa D_1 và D_2 giống cấu trúc giữa trị giá xuất khẩu đã phá giá vào hai khối đó. Năm 1994, ta có: $D_1/(D_1+D_2)=0.52$.

Giả thuyết là cấu trúc:

$$\frac{D_1}{D_1 + D_2} = \frac{X_1}{X_1 + X_2}$$

X_1 là xuất khẩu trong khu vực 1, X_2 là xuất khẩu trong khu vực 2. Năm 1994 có $X_1/(X_1+X_2) = 0.52$

Nếu ta làm giả thuyết là nhịp tăng GDP của các nước bị vấn đề giảm từ 7 hay 8% xuống 4% trong thời kỳ 1998-2000 và kéo theo cầu mua hàng VN của họ giảm 50%, thì nhịp tăng cầu mua hàng VN từ bên ngoài sẽ tăng 15% mỗi năm thay vì 20%.

b) Theo số liệu năm 1995, 30% vốn đầu tư nước ngoài đến từ những nước có vấn đề ở châu Á. Nếu làm giả thuyết là họ sẽ giảm 50% (theo nhịp giảm GDP của họ), tỷ lệ đầu tư tư nhân sẽ là 15.4% thay vì 17.5%.

Kết quả (1998-2000):

- GDP tăng trung bình mỗi năm: 6.1%
- Lạm phát trung bình: 4.1%
- Tỷ lệ đầu tư: 26.5%

- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá hiện hành: 16.4%

- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá cố định: 11.9%

Đặc biệt sẽ có một cú sốc năm 1998: GDP sẽ tăng 4.4% thay vì 8.7% của kịch bản chính. Lạm phát xuống 2.2% thay vì 6.6% của kịch bản chính, xuất khẩu theo giá hiện hành tăng 12.3% thay vì 23.4%.

III. KHỦNG HOẢNG VÀ PHÁ GIÁ ĐỒNG TIỀN

Làm giả thuyết là trong tình hình đó VN phá giá đồng tiền 18%. Trong trường hợp này mô hình chúng tôi cho những kết quả như sau:

- GDP tăng trung bình mỗi năm: 6.4%
- Lạm phát trung bình: 7.3%
- Tỷ lệ đầu tư: 26.9%
- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá hiện hành: 20.6%
- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá cố định: 12.4%

Nhìn chung, phá giá 18% xoa dịu cuộc khủng hoảng nhưng làm tăng lạm phát. Năm 1998, GDP sẽ tăng 5.5% thay vì 4.4% nếu không phá giá. Lạm phát trở nên 7%, xuất khẩu theo giá hiện hành tăng 20.3%.

Nếu VN phá giá 30%, ta có những kết quả sau:

- GDP tăng trung bình mỗi năm: 6.7%
- Lạm phát trung bình: 9.3%
- Tỷ lệ đầu tư: 27%
- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá hiện hành: 23.2%
- Tỷ lệ tăng xuất khẩu trung bình theo giá cố định: 12.7%

Năm 1998, GDP sẽ tăng 6%, lạm phát 10%, xuất khẩu theo giá hiện hành tăng 25.6%

IV. KẾT LUẬN

Phá giá đồng tiền giảm ảnh hưởng của khủng hoảng cho năm 1998. Nhưng về sau, đó không phải là liều thuốc vạn năng. Phải làm sao tăng vốn đầu tư của các nước ngoài khối bị khủng hoảng tiền tệ, ví dụ các nước phương Tây, và phải có một hệ thống sản xuất hiệu quả có sức cạnh tranh mạnh mẽ hơn, không chỉ dựa vào việc phá giá đồng tiền.

Đĩ nhiên, phải xem xét những kết quả trong bài này với nhiều thận trọng, vì dấu sao đó cũng chỉ là kết quả của những kịch bản được mô phỏng qua một mô hình với những giả thuyết đã nêu trên■

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Văn Cường, Trần Thành Trai, Nguyễn Kim Khôi. "Một mô hình vĩ mô để mô phỏng kinh tế Việt nam". *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, số 83, 9.1997
- [2] Nguyễn Đoàn Hùng, "Về biến động của tỷ giá đồng Việt Nam - Dollar Mỹ trên thị trường", *Thời báo Kinh tế Saigon*, Số 7-98 (372), 7.1998.
- [3] Lê Tiền Tuyến, " Những thách thức đang đặt ra trong nền kinh tế", *Sài Gòn Giải Phóng*, số ra ngày 13-2-1998.

Chú thích

- (1) Tiến sĩ, Giám đốc nghiên cứu CEPREMAP/CNRS, Pháp
- (2) PTS, Phân viện Công nghệ thông tin/ Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia.
- (3) KS, Phân viện Công nghệ thông tin/ Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia.